

Số: 214/TTr-UBND

Cát Tiên, ngày 27 tháng 11 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị thông qua các nội dung bổ sung điều chỉnh đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Phước Cát, huyện Cát Tiên đến năm 2035

Kính gửi: Hội đồng Nhân dân huyện Cát Tiên

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị quyết số 493/NQ-UBTVQH14 ngày 12/4/2018 về việc thành lập thị trấn Phước Cát thuộc huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Nghị quyết 833/NQ-UBTVQH14 ngày 17/12/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Nghị quyết số 26-NQ/TU ngày 10/7/2023 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 – 2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Căn cứ Quyết định số 1848/QĐ-TTG, ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Lâm Đồng đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/09/2012 của Chính phủ về Quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về Quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính Phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định 85/2020/NĐ-CP ngày 17/07/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước

của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết 166/NQ-HĐND ngày 21/01/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc sắp xếp, sáp nhập và đổi tên thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Kế hoạch số 8358/KH-UBND ngày 25/9/2023 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Văn bản số 2650/SXD-QHKT ngày 31/10/2023 của Sở Xây dựng về việc điều chỉnh, bổ sung đồ án điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Phước Cát, huyện Cát Tiên đến năm 2035;

Căn cứ Nghị Quyết số 89/NQ-HĐND ngày 20/9/2023 của Hội đồng Nhân dân huyện Cát Tiên về việc thông qua Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Phước Cát, huyện Cát Tiên đến năm 2035;

Căn cứ Kết luận số 1125-KL/HU ngày 24/11/2023 của Ban Thường vụ Huyện ủy tại cuộc họp ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Tờ trình số 145/TTr-UBND ngày 07/9/2023 của UBND huyện Cát Tiên về việc đề nghị thông qua đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Phước Cát, huyện Cát Tiên đến năm 2035.

Ủy ban nhân dân huyện Cát Tiên đã bổ sung điều chỉnh theo ý kiến của Sở Xây dựng đối với đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Phước Cát đến năm 2035, với các nội dung như sau:

1. Về chỉ tiêu đất xây dựng đô thị, đất dân dụng, đất đơn vị ở:

Theo thuyết minh, dự báo nhu cầu đất xây dựng đô thị căn cứ QCVN 01:2021/BXD "đối với đô thị loại V nhu cầu đất xây dựng đô thị là 120 – 220 m²/người; thị trấn Phước Cát có tính đặc thù là đô thị miền núi, đô thị xanh nên lựa chọn tiêu chí đất xây dựng khu vực nội thị là 270 – 280 m²/người (trong đó đất dân dụng khoảng 220 – 250 m²/người)" là không có cơ sở do QCVN 01:2021/BXD không quy định chỉ tiêu đất xây dựng đô thị; mặt khác, đồ án đề xuất chỉ tiêu đất xây dựng đô thị đến năm 2035 của toàn thị trấn là khoảng 420 - 430 ha là vượt so với chỉ tiêu xây dựng đất đô thị theo Nhiệm vụ quy hoạch được duyệt (tại Quyết định số 1080/QĐ-UBND ngày 29/4/2021, trong đó: dự

báo đến năm 2035 đất xây dựng đô thị khoảng 210 - 220 ha).

UBND huyện tiếp thu bổ sung điều chỉnh mục 1 như sau:

- Theo bản vẽ quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng đến năm 2035 đồ án đề xuất trình thẩm định, các loại đất đai được quy hoạch đối chiếu phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng đã được phê duyệt (Quyết định số 1246/QĐ-UBND ngày 27/06/2023 của UBND tỉnh Lâm Đồng), các chỉ tiêu loại đất được thống kê theo Phụ lục IV Thông tư 04/2022/TT-BXD.

- Đối với các loại đất công trình hành chính đô thị, đất dịch vụ công cộng đô thị, công trình thương mại, giáo dục, an ninh, tôn giáo, hạ tầng kỹ thuật... được giữ lại vị trí và quy mô diện tích theo đồ án đề xuất và phân bổ lại theo bảng thống kê chỉnh sửa đính kèm.

- Đối với “Đất đơn vị ở”: được tính toán dựa trên quy mô dân số và QCVN01:2021 (đô thị loại V chỉ tiêu từ 45-55 m²/người) vì vậy, trên bản vẽ phân tô màu đất ở tuy rộng nhưng quy mô sử dụng cho đất đơn vị ở chỉ khoảng 64,72 ha, phần còn lại được hiểu là bao gồm đất nông nghiệp gắn với khu ở, đất giao thông khu ở, đất cây xanh khu ở và đất công cộng khu ở (sẽ được thể hiện cụ thể trong các đồ án Quy hoạch chi tiết).

- Sau khi điều chỉnh theo văn bản Sở xây dựng: Dự kiến chỉ tiêu đất xây dựng đô thị là 180 – 190 m²/người, theo từng giai đoạn như sau:

Bảng dự kiến đất xây dựng đô thị

Năm	2022	2025	2030	2035
Dân số đô thị (người)	6.847	7.871	9.808	11.158
Quy mô đất xây dựng toàn đô thị (ha)	110-120	150-160	180-190	200-210

- Dự báo đất xây dựng đô thị đến năm 2025: 150-160 ha

- Dự báo đất xây dựng đô thị đến năm 2030: 180-190 ha

- Dự báo đất xây dựng đô thị đến năm 2035: 200-210 ha (trong đó đất dân dụng khoảng 98,06 m²/ người phù hợp với QCVN01:2021 từ 70-100 m²/người)

- Cụ thể:

Về chỉ tiêu đất đơn vị ở bình quân theo QCVN 01-2021/BXD, bảng 2.2, chú thích 2: Trong trường hợp quy hoạch đô thị có tính đặc thù có thể lựa chọn chỉ tiêu khác với quy định tại Bảng 2.2 nêu trên nhưng phải có các luận chứng đảm bảo tính phù hợp và phải ≥ 15 m²/ người. Cụ thể: thị trấn Phước Cát có tính đặc thù là đô thị miền núi, đô thị xanh nên lựa chọn chỉ tiêu đất đơn vị ở bình quân là khoảng 55-60 m²/người phù hợp với QCVN 01-2021/BXD.

BẢNG CÂN BẰNG ĐẤT ĐAI THỊ TRẤN PHƯỚC CÁT NĂM 2035					
STT	NĂM	2035		TỶ LỆ	
	DÂN SỐ THỊ TRẤN	11.158		SỐ VỚI DTTN	SỐ VỚI ĐẤT XDĐT
	DANH MỤC SỬ DỤNG ĐẤT	CHỈ TIÊU	DIỆN TÍCH		
		M2/NGƯỜI	M2	%	%
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		17.067.500	100	
I	ĐẤT XÂY DỰNG ĐÔ THỊ	182,78	2.039.573	11,95	100
1.1	ĐẤT DÂN DỤNG	98,06	1.094.248	6,41	53,65
1.1.1	ĐẤT ĐƠN VỊ Ở	58,00	647.192		31,73
1.1.2	ĐẤT GIÁO DỤC	4,80	53.559		2,63
1.1.3	ĐẤT DỊCH VỤ CÔNG CỘNG KHU ĐÔ THỊ	0,63	7.010		0,34
1.1.4	ĐẤT THIẾT CHẾ VĂN HÓA - THỂ THAO CƠ SỞ	3,02	33.727		1,65
1.1.5	ĐẤT TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI - PHÁT TRIỂN HỖN HỢP	1,08	12.016		0,59
1.2.6	ĐẤT Y TẾ	0,13	1.447		0,07
1.1.7	ĐẤT CƠ QUAN TRỤ SỞ CẤP ĐÔ THỊ	0,77	8.599		0,42
1.1.8	ĐẤT CÂY XANH SỬ DỤNG CÔNG CỘNG	8,67	96.763		4,74
1.1.9	GIAO THÔNG KHU ĐÔ THỊ	17,81	198.762		9,75
1.1.10	ĐẤT ĐẦU MỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT	3,15	35.173		1,72
1.2	ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG	84,72	945.325	5,54	46,35
1.2.1	ĐẤT TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP	5,94	66.265		3,25
1.2.2	ĐẤT CÂY XANH CÁCH LY	25,07	279.793		13,72
1.2.3	ĐẤT DI TÍCH, TÔN GIÁO	16,21	180.907		8,87
1.2.4	ĐẤT AN NINH	0,14	1.593		0,08
1.2.5	ĐẤT GIAO THÔNG ĐỐI NGOẠI	30,45	339.799		16,66

1.2.6	ĐẤT DỊCH VỤ, DU LỊCH	6,90	76.968	3,77
II	ĐẤT KHÁC		15.027.927	88,05
2.1	ĐẤT PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP		13.082.713	76,65
2.2	ĐẤT MẶT NƯỚC		711.400	4,17
2.3	ĐẤT NGHĨA NGHĨA TRANG		58.000	0,34
2.4	ĐẤT THU GOM RÁC		43.000	0,25
2.5	ĐẤT DỰ TRỮ PHÁT TRIỂN		1.064.194	6,24
2.6	ĐẤT KHAI THÁC VLXD		68.620	0,40

2. Về căn cứ lập quy hoạch: Đề nghị bổ sung đánh giá sự phù hợp với Quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành cao hơn đã phê duyệt (Quy hoạch xây dựng vùng huyện Cát Tiên, quy hoạch sử dụng đất huyện Cát Tiên đến năm 2030) đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật Quy hoạch đô thị.

UBND huyện tiếp thu bổ sung điều chỉnh mục 2 như sau:

TT	NỘI DUNG	QUY HOẠCH ĐIỀU CHỈNH QH CHUNG TT PHƯỚC CÁT ĐẾN NĂM 2035	NHIỆM VỤ (QĐ 1080/QĐ- UBND NGÀY 29/4/2021)	QUY HOẠCH VÙNG HUYỆN CÁT TIÊN (QĐ 67/QĐ- UBND NGÀY 12/01/2021)	QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN CÁT TIÊN (QĐ 1246/QĐ- UBND NGÀY 27/6/2023)

I	TÍNH CHẤT	<p>- Là đô thị loại V, trung tâm tiểu vùng, trung tâm giao lưu Kinh tế - Văn hóa, trung tâm thương mại, dịch vụ phía Tây Nam của huyện Cát Tiên.</p> <p>- Là trung tâm kết nối với các xã giáp ranh (Đức Phổ, Phước Cát 2), tạo cầu nối và chia sẻ chức năng về phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch cho đô thị trung tâm huyện lỵ là thị trấn Cát Tiên.</p> <p>- Là đô thị cửa ngõ giao lưu với xã Đăng Hà - Bình Phước, có lợi thế về phát triển dịch vụ thương mại kết hợp du lịch, phát triển tiểu thủ công nghiệp, phát triển nông nghiệp, dịch vụ nông nghiệp, chăn nuôi ...</p>	<p>'- Là trung tâm kết nối với các xã giáp ranh (Đức Phổ, Phước Cát 2).</p> <p>- Là thị trấn thứ hai, phía tây nam của huyện Cát Tiên, là trung tâm kinh tế, văn hóa - xã hội, thương mại, dịch vụ của khu vực TT Phước Cát và xã Đức Phổ, Phước Cát 2.</p> <p>- Là đô thị phát triển dịch vụ, thương mại gắn với sản xuất nông nghiệp.</p>	<p>- Thị Trấn Phước Cát là đô thị loại V.</p> <p>- Là trung tâm tiểu vùng, trung tâm giao lưu kinh tế - văn hoá, trung tâm thương mại, dịch vụ phía Tây Nam của huyện Cát Tiên.</p>	
II	ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	<p>- Định hướng phát triển không gian: + Đô thị Phước Cát theo tuyến QL 55B (ĐT 721), cửa ngõ giao lưu với các huyện Bù Đăng - tỉnh Bình Phước, huyện Tân Phú - tỉnh Đồng Nai.</p> <p>+ Định hướng phát triển đô thị theo hướng thương mại, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ nông nghiệp.</p>		<p>- Định hướng phát triển không gian: + Đô thị Phước Cát theo tuyến QL 55B (ĐT 721), cửa ngõ giao lưu với các huyện Bù Đăng - tỉnh Bình Phước, huyện Tân Phú - tỉnh Đồng Nai.</p> <p>+ Định hướng phát triển đô thị theo hướng thương mại, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ nông nghiệp.</p>	
III	DIỆN TÍCH QUY HOẠCH	Theo Quyết định 595/QĐ-BNV ngày 20/08/2020 và Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 thì tổng diện tích tự nhiên của thị trấn hiện nay là 1.706,75 ha.	1696,59 ha	1696,59 ha	1.706,75 ha
IV	DỰ BÁO				

1	Quy mô dân số (người)				
	2025	7.871		8.500	
	2030	9.808			
	2035	11.158	11.000	11.000	
2	Đất xây dựng đô thị (ha)				
	2025	140-150		179	
	2030	180-190			
	2035	200-210		211	
V	QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	Phù hợp định hướng vùng huyện Cát Tiên và Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030			
VI	QUY HOẠCH HỆ THỐNG HA TẦNG KỸ THUẬT	Phù hợp định hướng vùng huyện Cát Tiên và Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030			

3. Về quy hoạch sử dụng đất:

a) Đối với đồ án quy hoạch chung thị trấn không xác định vùng nội thị và ngoại thị; việc đồ án đề xuất khu vực nội thị của thị trấn là không có cơ sở, không đúng về mặt nguyên tắc theo quy định.

UBND huyện tiếp thu chỉnh sửa mục 3a như sau: bỏ nội dung đất nội thị và ngoại thị ra khỏi nội dung đồ án.

b) Đối với cấp độ quy hoạch chung, chỉ xác định "nhóm nhà ở" và "hỗn hợp nhóm nhà ở và dịch vụ" (theo Phụ lục IV Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022), đề nghị rà soát, điều chỉnh đối với "đất khu ở đô thị" (gồm: "đất ở cải tạo chỉnh trang, đất ở hỗn hợp cải tạo chỉnh trang, đất ở hỗn hợp quy hoạch mới, đất ở quy hoạch mới, đất nhà sàn dân tộc Tày – Nùng, đất ở xã hội"); việc xác định các khu chỉnh trang, cải tạo, phát triển mới,...thuộc nội dung định hướng phát triển không gian đô thị và thể hiện trên bản đồ định hướng phát triển không gian đô thị (điểm đ khoản 1 Điều 8 Thông tư số 04/2022/TT-BXD).

UBND huyện tiếp thu bổ sung điều chỉnh mục 3b như sau:

UBND huyện tiếp thu chỉnh sửa tại bảng thống kê điều chỉnh và bản vẽ điều chỉnh: trên bảng thống kê điều chỉnh "đất ở" thành "đơn vị ở" và việc xác định các khu chỉnh trang, cải tạo, phát triển mới,...thuộc nội dung định hướng phát triển không gian đô thị và thể hiện trên bản đồ định hướng phát triển không gian đô thị.

d) Bổ sung quy hoạch xây dựng "Khu trung tâm nghiên cứu giống cây trồng vật nuôi thị trấn Phước Cát" tại tổ dân phố 9 (quy mô 15 – 20 ha) và "trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp phía Nam của huyện" tại trung tâm thị trấn (quy mô 0,5 ha) theo định hướng Quy hoạch xây dựng vùng huyện Cát Tiên đã được phê duyệt.

UBND huyện tiếp thu bổ sung điều chỉnh mục 3d như sau:

- *Bổ sung quy hoạch xây dựng "Khu trung tâm nghiên cứu giống cây trồng vật nuôi thị trấn Phước Cát" tại tổ dân phố 9 (quy mô 15 – 20 ha): đề xuất vị trí nằm trên đường số 29 quy mô khoảng 20 ha.*

- *Theo hiện trạng thị trấn có vị trí đất trung tâm Nông nghiệp (kí hiệu: KH39) đang quy hoạch đất cây xanh công viên, đề xuất quy hoạch chuyển đổi công năng thành Trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất với diện tích hiện tại là 0,56 ha là phù hợp.*

e) Đối với khu vực "đất sản xuất vật liệu xây dựng" (kí hiệu 39) bố trí trong khu vực dân cư tại Tổ dân phố 9: đề nghị thuyết minh rõ cơ sở pháp lý quy hoạch, phân tích đánh giá các yếu tố liên quan chức năng sử dụng đất, ảnh hưởng môi trường.

UBND huyện tiếp thu bổ sung điều chỉnh mục 3e như sau:

Theo Quyết định số 1396/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc kéo dài kỳ quy hoạch và bổ sung một số điểm mỏ vào quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản tỉnh Lâm Đồng tại Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 17/01/2014 của UBND tỉnh, thị trấn Phước Cát có 02 vị trí khai thác Cát xây dựng trên sông Đồng Nai và 03 vị trí để khai thác đất san lấp, phương án điều chỉnh đề xuất 02 vị trí đất san lấp tại TDP1 và TDP10 là đất khai thác VLXD với tổng quy mô diện tích khoảng 6,9 ha, còn vị trí tại TDP9 trên đường DH93 quy mô khoảng 1,5 ha sau khi khai thác xong sẽ chuyển đổi công năng và mở rộng làm bãi đỗ xe thị trấn đảm bảo chỉ tiêu 2,5 m²/người theo QCVN 01:2021/BXD và tránh ảnh hưởng đến môi trường dân cư khu vực này.

f) Đối với đất sản xuất nông nghiệp: diện tích đất sản xuất nông nghiệp hiện trạng năm 2022 là 14.265.286 m², theo đề án đề xuất đến năm 2035 là 10.881.276 m² (giảm 3.384.010 m²), trong đó chủ yếu chuyển đổi sang trồng bắp, rau chuyên canh; cải tạo diện tích trồng điều sang trồng cao su, nguyên liệu (keo trầm), cây ăn quả; nâng cao diện tích lúa chất lượng cao, sản xuất lúa giống, ...). Do đó, cần bổ sung thêm nội dung "hạn chế chuyển đổi từ đất trồng lúa sang đất khác để đảm bảo vấn đề an ninh lương thực thúc đẩy sản xuất gạo bền vững", đồng thời, cần đổi đảm bảo chỉ tiêu sử dụng đất thời kỳ 2021 – 2030 trên địa bàn 12 huyện, thành phố theo Quyết định số 1755/UBND-ĐC1 ngày 10/3/2023 của UBND tỉnh (đặc biệt là chỉ tiêu diện tích đất trồng lúa).

UBND huyện tiếp thu bổ sung điều chỉnh mục 3f như sau:

Đất nông nghiệp hiện trạng sau khi cân đối sử dụng đất là 1.513,3 ha, sau

khi điều chỉnh lại chỉ tiêu đất đơn vị ở thì đất nông nghiệp điều chỉnh là khoảng 1.308,27 ha theo bảng thống kê và tập thuyết minh trang 68, khoản 4.2.15, mục 4.2, phần IV Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2035. Chương V. cụ thể như sau:

Tổng quy mô đất nông nghiệp khoảng 1.308,27 ha chủ yếu tập trung đầu tư thâm canh diện tích cây trồng đã chuyển đổi như: chuyển đổi diện tích chủ động tưới, tiêu sang trồng bắp, trồng rau chuyên canh; tập trung cải tạo một số diện tích cây điều kém hiệu quả để trồng cây cao su, nguyên liệu (keo tràm), một số loại cây ăn quả phù hợp; Hạn chế chuyển đổi từ đất trồng lúa sang đất khác để đảm bảo vấn đề an ninh lương thực, thúc đẩy sản xuất gạo bền vững nâng cao diện tích lúa chất lượng cao theo quy trình VietGAP, phát triển sản xuất lúa giống, lúa hữu cơ gắn với nhãn hiệu "Lúa - Gạo Cát Tiên" thành thương hiệu.

g) Theo đánh giá kết quả thực hiện, các tồn tại, vướng mắc sau quá trình triển khai đề án quy hoạch chung thị trấn Phước Cát đã được phê duyệt tại Quyết định số 667/QĐ-UBND ngày 22/3/2011 thì "các công trình công cộng tính toán dự báo còn chưa đáp ứng nhu cầu hoạt động, thiếu diện tích các khu công viên cây xanh, quảng trường, trung tâm văn hóa, ..." từ đó đề xuất đề án điều chỉnh cần giải quyết theo hướng "dịch vụ sẽ được nâng dần theo hướng tăng cường dịch vụ và thương mại, bổ sung và nâng cao chất lượng dịch vụ công cộng (giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí, dịch vụ du lịch,...)". Tuy nhiên, qua đối chiếu hiện trạng sử dụng đất năm 2022 và bảng cơ cấu sử dụng đất đến năm 2035 (Bảng 18, trang 73) thì quy mô, diện tích các công trình dịch vụ công cộng chủ yếu được quy hoạch theo hiện trạng, một số có quy hoạch mở rộng với tỷ lệ thấp, một số công trình quy hoạch giảm diện tích, quy mô (đội thuế số 02 từ 423 m² thành 378 m², Chợ Phước Cát từ 3.551 m² thành 3.348 m², đồng thời chưa đảm bảo quy mô tối thiểu Chợ theo QCVN 01:2021/BXD là 01 ha/công trình, Phòng khám Đa khoa Phước Cát từ 1.723 m² thành 1.447 m², đất tôn giáo Ban nghi lễ đạo Cao Đài từ 2.066 m² thành 1.899 m²), trong khi các quỹ đất bố trí các công trình văn hóa, trường học đã di dời, đóng cửa,... được quy hoạch là "đất công cộng dự trữ" với tổng diện tích khoảng 6.000 m² chưa được định hướng chức năng, đề nghị tính toán diện tích đất công cộng – dịch vụ đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân theo quy định và khắc phục các hạn chế, tồn tại (theo đánh giá tồn tại, khắc phục của quy hoạch đã phê duyệt).

UBND huyện tiếp thu bổ sung điều chỉnh mục 3g như sau:

Chợ thị trấn Phước Cát hiện hữu (KH09) có diện tích là 3.348 m² đang hoạt động góp phần đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu mua bán trao đổi hàng hoá, tuy nhiên quy mô diện tích chưa đảm bảo, UBND huyện đề xuất vẫn giữ lại vị trí chợ này và xây dựng kế hoạch di dời dân cư khu vực gần chợ để đến năm 2035 nâng cấp mở rộng quy mô chợ lên 1ha.

h) Theo Bảng 1 trang 20 (hiện trạng sử dụng đất) thì diện tích "nhóm nhà ở hiện trạng" là 1.182.692 m², theo bảng cơ cấu sử dụng đất đến năm 2035 thì diện tích "đất ở cải tạo chỉnh trang và đất ở hỗn hợp cải tạo chỉnh trang" là 1.131.515 m² (thấp hơn diện tích hiện trạng 51.177 m²); mặt khác, diện tích đất

ở quy hoạch mới đề xuất là 1.225.451 m² (chưa bao gồm đất Nhà sàn dân tộc và đất ở xã hội đã cao hơn diện tích đất ở hiện trạng) trong khi dân số đến năm 2035 chỉ tăng 4.311 người (dân số hiện trạng năm 2022 là 6.487 người) là chưa khoa học trong việc bố trí đất nhóm ở (vượt chỉ tiêu bình quân đầu người như đã nêu trên mục 1). Đề nghị tính toán nhu cầu sử dụng đất ở phù hợp Quy chuẩn xây dựng theo từng giai đoạn, tránh lãng phí quỹ đất và định hướng quản lý sử dụng đất ở hiện trạng phù hợp thực tế và định hướng quy hoạch phát triển trong tương lai.

UBND huyện tiếp thu bổ sung điều chỉnh mục 3h như sau:

Đối với nội dung này, UBND huyện đã tiếp thu, chỉnh sửa theo mục 1 ở trên và chỉnh sửa chỉ tiêu đất xây dựng đô thị, đất dân dụng, đất đơn vị ở trong tập thuyết minh và bảng thống kê điều chỉnh.

4. Về quy hoạch giao thông:

a) Đồ án quy hoạch chung thị trấn chỉ xác định quy mô các tuyến đường giao thông đến "cấp đường khu vực" (điểm g khoản 1 Điều 8 Thông tư số 04/2022/TT-BXD), theo quy định tại Bảng 3 QCVN 07-4:2016/BXD (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia Các công trình hạ tầng kỹ thuật công trình giao thông) thì quy mô chiều rộng tối thiểu của "đường khu vực" là 16m. Tuy nhiên, diện tích giao thông đô thị của đồ án bao gồm diện tích của các tuyến đường có lộ giới nhỏ hơn 16m (như: 8m, 12m, 14m là chưa đảm bảo quy định); đề nghị rà soát, xác định các tuyến đường theo cấp đường phù hợp với quy định của đồ án Quy hoạch chung, điều chỉnh lộ giới đảm bảo Quy chuẩn kỹ thuật về tỷ lệ đất giao thông (không bao gồm giao thông tĩnh) so với đất xây dựng đô thị tối thiểu tính đến đường khu vực là 13 %.

UBND huyện tiếp thu bổ sung điều chỉnh mục 4a như sau:

Đối với "Đất Giao thông": Theo quy định đối với đồ án QH chung đô thị, ngoài phần đất giao thông đối ngoại (ĐT721, Đường đi cầu Phước Cát, ĐH93, ĐH98 và đường "Hướng Tây" đi xã Đức Phổ) thì giao thông trong khu vực sẽ được tính toán đến đường khu vực (theo QCVN 07-4:2016/BXD đường khu vực được quy định chiều rộng đường tối thiểu là 16m, tuy nhiên theo thực trạng phát triển của đô thị với tính chất là đô thị miền núi, lựa chọn quy mô các tuyến đường khu vực lộ giới 14-16m), vì vậy phương án đề xuất các tuyến đường có lộ giới 14m trở lên là các tuyến đường khu vực sẽ được tính toán trong thống kê đất xây dựng đô thị tối thiểu tính đến đường khu vực là 13%, các tuyến đường còn lại được phân tuyến tuy nhiên diện tích sẽ không tính toán cụ thể.

b) Bổ sung quy mô, diện tích bãi đỗ xe toàn đô thị đảm bảo chỉ tiêu 2,5 m²/người theo QCVN 01:2021/BXD.

UBND huyện tiếp thu bổ sung điều chỉnh mục 4b như sau:

Để đảm bảo chỉ tiêu 2,5 m²/ người theo QCVN 01:2021/BXD: UBND huyện đề xuất vị trí (kí hiệu 39) đất san lấp trong khu vực dân cư tại TDP 9 (1,5 ha) ưu tiên khai thác đến năm 2030 và định hướng chuyển đổi thành bãi đỗ xe

và mở rộng sang phân đất nông nghiệp đảm bảo diện tích bãi đỗ xe toàn đô thị đến năm 2035.

5. Về quy hoạch quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a) Quy hoạch cấp điện, chiếu sáng: bổ sung lộ trình thay thế bóng đèn cao áp bằng đèn tiết kiệm năng lượng và lộ trình hạ ngầm đường dây chiếu sáng trong khu vực trung tâm đô thị.

UBND huyện tiếp thu bổ sung điều chỉnh mục 5a như sau:

Đối với nội dung này, UBND huyện tiếp thu chỉnh sửa trong tập thuyết minh trang 96-97, mục 5.1-5.3 phần V Định hướng quy hoạch cấp điện, chương VI. Cụ thể như sau:

Định hướng giai đoạn dài hạn sau năm 2035: Xem xét bổ sung từ nay đến 2035 các công trình hạ tầng kỹ thuật (đường điện; chiếu sáng; viễn thông...) trong đô thị cần phải ngầm hóa để đảm bảo mỹ quan đô thị. Lộ trình sau năm 2035 sẽ chuyển sang ngầm hóa hệ thống chiếu sáng công cộng độc lập tại các tuyến đường trung tâm, tuyến tập trung đông dân cư. Lưới điện chiếu sáng: Thay thế dần các loại đèn cũ bằng các loại đèn tiết kiệm năng lượng (ví dụ LED)

b) Về cấp nước: bổ sung nội dung đánh giá chất lượng, trữ lượng nguồn nước mặt và có giải pháp bảo vệ nguồn nước (lưu ý không được phép khai thác thêm nguồn nước dưới đất); đồng thời, để đảm bảo an toàn cấp nước thì công suất nhà máy cấp nước Ghềnh Đá đến năm 2025 cần đạt tối thiểu 4.000 m³/ngđ theo Kế hoạch số 10045/KH-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh (Kế hoạch phát triển và đảm bảo an toàn cấp nước trong cấp nước đô thị tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025)

UBND huyện tiếp thu bổ sung điều chỉnh mục 5b như sau:

Đối với nội dung này, UBND huyện tiếp thu chỉnh sửa trong tập thuyết minh trang 90, mục 3.2, phần III Quy hoạch cấp nước, chương VI. Theo dự báo dân số thị trấn Phước Cát đến năm 2035 dân số toàn thị trấn là 11.000 người, dân số xã Đức Phổ 2.667 người, xã Tiên Hoàng 2.861 người và 1 phần thị trấn Cát Tiên 7.500 người. Theo tiêu chuẩn cấp nước 100 lít/ người/ngđ. tổng nhu cầu dùng nước toàn thị trấn Phước Cát và xã Đức Phổ, xã Tiên Hoàng, và 1 phần thị trấn Cát Tiên thì tổng nhu cầu dùng nước mới đạt 3.995,6 m³/ngđ (lấy bằng 4.000 m³/ngđ) đã trình bày trong phần tính toán nhu cầu dùng nước.

c) Quy hoạch thoát nước thải: đề nghị nghiên cứu thêm phương án quy hoạch thoát nước (kể cả thoát nước mưa và nước thải) phân thành nhiều lưu vực nhỏ theo địa hình để thuận tiện trong công tác đầu tư, thu gom, xử lý, vận hành và hạn chế rủi ro khi có sự cố; lưu ý không để nước thải (kể cả sau xử lý) chảy về hướng nguồn cấp nước sinh hoạt.

UBND huyện tiếp thu bổ sung điều chỉnh mục 5c như sau:

Đối với nội dung này, UBND huyện đã đề cập và nghiên cứu trong tập thuyết minh trang 94, mục 4.3, phần IV Quy hoạch thoát nước thải, chất thải rắn

và vệ sinh môi trường, chương VI. Cụ thể như sau:

- Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa nhằm giải quyết vấn đề thoát nước mưa, nước bẩn trong Thị trấn, tránh tình trạng ngập úng làm ảnh hưởng đến sinh hoạt và môi trường của địa phương, góp phần tích cực làm giảm tình hình dịch bệnh, ổn định cuộc sống của nhân dân trong vùng. Đồng thời cải thiện bộ mặt đô thị, nâng cao mức sống của người dân, cải thiện môi trường...

- Căn cứ vào địa hình tự nhiên, nước mưa được chia thành nhiều lưu vực thu vào các mương cống nằm dọc các tuyến đường và thoát vào các khu vực sông, suối, dòng tự thủy tự nhiên nằm xen kẽ trong các khu vực của thị trấn.

- Hiện tại Thị trấn đã có hệ thống mương thoát nước tương đối hoàn chỉnh là mương bê tông đan hỏ, cống, mương hỏ các trục đường ĐT721, ĐH93, và một số đường khu vực trung tâm từ TDP 1,3,4,5, 6 đã có hệ thống mương nước hoàn chỉnh còn lại các trục đường khác trong thị trấn hệ thống mương chưa có, chưa hoàn thiện đồng bộ còn là các đoạn mương đất, mương hỏ hoặc mương đã xuống cấp.

d) Về quản lý chất thải rắn sinh hoạt: cần xác định phạm vi xử lý cũng như vị trí, quy mô cơ sở xử lý chất thải và đề xuất công nghệ xử lý chất thải cụ thể rõ ràng hơn; bổ sung phương án xây dựng các trạm trung chuyển rác thải sinh hoạt.

UBND huyện tiếp thu bổ sung điều chỉnh mục 5d như sau:

Đối với nội dung này, UBND huyện đã thể hiện trong tập thuyết minh trình thẩm định trang 96, mục 4.4, phần IV Quy hoạch thoát nước thải, Chất thải rắn và vệ sinh môi trường, chương VI. Cụ thể như sau:

Hiện nay, thị trấn chưa có nhà máy xử lý rác thải, rác thải được thu gom tại chỗ và vận chuyển về bãi thu gom rác của thị trấn vị trí đặt tại TDP1 (phía Đông thị trấn) gây ô nhiễm môi trường khu vực xung quanh, hiện huyện đang kêu gọi đầu tư xây dựng nhà máy xử lý rác thải tập trung công suất khoảng 40 tấn/ngày. Tổng lượng rác thải sinh hoạt dự kiến đến năm 2030 tỷ lệ thu gom đạt 95% khoảng 9,32 tấn/ngày và đến năm 2035 tỷ lệ thu gom đạt 98% khoảng 10,94 tấn/ngày (TC rác thải: 1Kg/người-ngày).

- Để giải quyết xử lý hết nguồn rác, kiến nghị cần có các biện pháp sau:

+ Thành lập đội vệ sinh chuyên trách và các phương tiện thu gom rác để giải quyết hết nguồn rác hàng ngày.

+ Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống xử lý nước thải và hệ thống xử lý chất thải rắn của Phòng khám đa khoa và trạm y tế.

- Thu gom chất thải rắn

+ Chất thải rắn thải ra hàng ngày ở các khu dân cư, khu hành chính và các công trình công cộng gồm chất thải rắn vô cơ và chất thải rắn hữu cơ. Các loại chất thải rắn sẽ được phân loại từ ngay các hộ gia đình và các công trình công cộng. Chất thải rắn vô cơ có thể sử dụng lại được như thủy tinh, sắt thép,

giấy vụn, ... sẽ được thu gom và tái sử dụng. Các chất thải rắn còn lại là các chất thải rắn hữu cơ sẽ được đơn vị có chức năng môi trường thu gom và vận chuyển đến khu tập trung và xử lý rác.

+ Trong khu vực thị trấn bố trí 30-40 điểm tập trung chất thải rắn và dọc theo các tuyến đường lắp đặt các thùng chứa chất thải rắn cố định loại 2 ngăn.

đ) Quy hoạch nghĩa trang: đối với khu nghĩa trang Phước Cát hiện trạng (kí hiệu 25) bố trí cạnh Quốc lộ 55B, gần sông Đồng Nai và khu vực dân cư sinh sống, không đảm bảo các quy định về khoảng cách ATMT, do đó, cần phải thực hiện đánh giá tác động môi trường để bổ sung các giải pháp đảm bảo vệ sinh môi trường xung quanh (theo quy định tại điểm 2.13.2 QCVN 01:2021/BXD), theo nội dung tại mục 7.2 (trang 103) chưa đề xuất các giải pháp đối với nghĩa trang; về lâu dài cần có giải pháp di dời, đóng cửa hoặc cải tạo và quỹ đất cho việc di dời.

UBND huyện tiếp thu bổ sung điều chỉnh mục 5đ như sau:

Đối với nội dung này, UBND huyện tiếp thu giải trình và bổ sung tập thuyết minh trang 104-105, mục 7.2, phần VII Đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường. cụ thể như sau:

b. Đối nghĩa trang:

- Nước thải từ nghĩa trang thải ra phải được thu gom riêng xử lý đạt tiêu chuẩn TCVN 7382:2004;

- Rác thải phát sinh trong hoạt động mai táng cần được tập trung tại khu riêng và được xử lý bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường;

- Các chất thải có liên quan trực tiếp đến người chết do mắc các bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A và một số bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm B (trong danh mục các bệnh truyền nhiễm bắt buộc phải cách ly theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế) hoặc thi hài đã bị thối rữa phải được xử lý theo quy định về xử lý chất thải y tế lây nhiễm quy định tại Quy chế quản lý chất thải y tế ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BYT ngày 30/11/2007 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Tuỳ theo điều kiện chất đất, phong tục tập quán và tín ngưỡng của từng vùng mà thời gian cải táng có thể khác nhau nhưng thời gian từ khi chôn đến khi cải táng không dưới 36 tháng

- Di chuyển thi hài, hài cốt trong trường hợp giải tỏa nghĩa trang mà chưa đủ thời gian cải táng theo quy định:

+ Khi đào hết lớp đất trên nắp quan tài, tiến hành phun dung dịch hoá chất diệt khuẩn thuộc danh mục các hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế đã được đăng ký lưu hành như dung dịch Cloramin B nồng độ 5% lên mặt trên quan tài, sau 30 phút mới được mở nắp quan tài.

+ Trường hợp thi hài chưa phân huỷ hết, phải chuyển thi hài sang quan

tài khác. Việc xử lý thi hài và môi trường xung quanh được tiến hành như việc khám liệm đối với người chết đã có hiện tượng thối rữa quy định tại Khoản 2 Mục III của Thông tư này.

+ Trường hợp thi hài đã phân huỷ hết thì tiến hành cải táng như các trường hợp thông thường để di chuyển hài cốt đi nơi khác.

- Ngay sau khi di chuyển thi hài hoặc hài cốt đi nơi khác phải phun dung dịch hoá chất diệt khuẩn thuộc danh mục các hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế đã được đăng ký lưu hành như dung dịch Cloramin B nồng độ 5% hoặc rắc một lớp vôi bột xuống huyết mộ.

- Sử dụng đất sau cải táng: Phần đất nơi huyết mộ sau cải táng phải để tối thiểu là 12 tháng mới được sử dụng vào mục đích mai táng.

- Sử dụng đất sau khi di dời nghĩa trang:

+ Mặt bằng nghĩa trang (kể cả khu vực vành đai bảo vệ của nghĩa trang) sau khi đã di dời hết các mộ, trong thời gian tối thiểu 10 năm không được sử dụng vào các mục đích sau:

+ Khai thác nước ngầm phục vụ mục đích sinh hoạt, ăn uống và chế biến thực phẩm;

+ Xây dựng các công trình công cộng như: Khu du lịch, khu vui chơi giải trí, nhà trẻ, trường học, nhà điều dưỡng;

- Trường hợp cần thiết phải sử dụng trước 10 năm thì phải tiến hành đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường và có phương án xử lý vệ sinh môi trường phù hợp với mức độ ô nhiễm.

6. Về quy định quản lý theo đồ án:

a) Đề nghị UBND huyện Cát Tiên rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện "Quy định quản lý kèm theo đồ án quy hoạch chung" đảm bảo quy định tại khoản 01 Điều 35 Luật Quy hoạch đô thị. Quy định quản lý là một thành phần hồ sơ kèm theo Đồ án quy hoạch chung theo Thông tư số 04/TT-BXD và được phê duyệt cùng đồ án, do đó, phải hoàn thiện quy định trình phê duyệt cùng hồ sơ quy hoạch (không dự thảo Điều lệ quản lý như hồ sơ trình: *UBND huyện tiếp thu chỉnh sửa trang 5 và trang 7.*

b) Về nội dung cần nghiên cứu bổ sung chỉ tiêu quản lý quy hoạch, kiến trúc đối với "đất cây xanh cảnh quan, đất nghĩa trang" để làm cơ sở quản lý thực hiện; bổ sung quy định quản lý đối với "các khu vực bảo tồn, tôn tạo công trình kiến trúc, di tích lịch sử (Di tích lịch sử kháng chiến Khu Ủy Khu IV), văn hóa, danh lam thắng cảnh và quy định quản lý, bảo vệ địa hình cảnh quan trong đô thị" theo quy định: *UBND huyện tiếp thu chỉnh sửa trang 5 và trang 7.*

c) Biện pháp bảo vệ môi trường (trang 22): đề nghị rà soát nội dung theo quy định tại Thông tư số 04/TT-BXD (lưu ý: Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2014 của Chính phủ đã hết hiệu lực).

UBND huyện tiếp thu chỉnh sửa trang 22 cụ thể: Bắt buộc tất cả các dự

án nằm trong danh mục thuộc Phụ lục II Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định về “Quy định chi tiết một số điều luật bảo vệ môi trường” được triển khai trên địa bàn cần phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và phải được cấp có thẩm quyền thẩm định.

7. Về phát triển sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi:

Tại gạch đầu dòng thứ 4, mục 4.1 Dự báo phát triển kinh tế (trang 44): đề nghị điều chỉnh, bổ sung nội dung "chấm dứt hoạt động, chuyển đổi ngành nghề, di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi các khu vực không được phép chăn nuôi (gồm các tổ dân phố 01 (trừ khu vực Bầu Sấu), 3, 4, 5 và 6, thị trấn Phước Cát) đến các địa điểm phù hợp theo đúng lộ trình theo Nghị quyết số 185/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 (quy định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ di dời, chấm dứt hoạt động, chuyển đổi ngành nghề đối với các cơ sở chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng); đồng thời, rà soát, điều chỉnh bổ sung nội dung nêu trên tại gạch đầu dòng thứ 2 mục 4.2.15 (trang 70) trong đó định hướng phát triển trang trại chăn nuôi.

UBND huyện tiếp thu chỉnh sửa trong tập thuyết minh trang 43, mục 4.1, phần IV Quy mô đô thị, chương IV và trang 68 khoản 4.2.15, mục 4.2, phần IV quy hoạch sử dụng đất đến năm 2035, chương V. Cụ thể như sau:

+ Mục 4.1, phần IV Quy mô đô thị, chương IV

Phát triển chăn nuôi theo hướng hộ gia đình, quy mô trang trại hiện đại, đảm bảo vệ sinh môi trường tại khu vực đất cần cỗi, khó canh tác, khu vực xa khu dân cư, xa nguồn nước, với các con nuôi chính: bò, heo, gà, vịt... Duy trì và phát triển mô hình nuôi cá lồng bè, chủ yếu dọc trên sông Đông Nai. Đồng thời, chấm dứt hoạt động, chuyển đổi ngành nghề, di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi các khu vực không được phép chăn nuôi (gồm các tổ dân phố 01 (trừ khu vực Bầu Sấu), 3, 4, 5 và 6, thị trấn Phước Cát) đến các địa điểm phù hợp theo đúng lộ trình theo Nghị quyết số 185/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 (quy định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ di dời, chấm dứt hoạt động, chuyển đổi ngành nghề đối với các cơ sở chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng).

+ Khoản 4.2.15, mục 4.2, phần IV quy hoạch sử dụng đất đến năm 2035, chương V.

- Chấm dứt hoạt động, chuyển đổi ngành nghề, di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi các khu vực không được phép chăn nuôi (gồm các tổ dân phố 01 (trừ khu vực Bầu Sấu), 3, 4, 5 và 6, thị trấn Phước Cát) đến các địa điểm phù hợp theo đúng lộ trình theo Nghị quyết số 185/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020. Ngoài ra, để phát triển nhu cầu thực phẩm của người tiêu dùng trong thị trấn cũng như các khu vực lân cận, định hướng phát triển trang trại chăn nuôi theo hình thức hộ gia đình phía Tây Bắc thị trấn, khu vực này chủ yếu là phần đất nông nghiệp của người dân cách xa dân cư và các nguồn nước, phù hợp với xu thế phát triển chung của huyện là chú trọng chăn nuôi theo hướng gia trại, trang trại, an toàn sinh học. Định hướng chăn nuôi sẽ được thay đổi cơ bản theo hướng công

nghiệp có năng suất, chất lượng, hiệu quả, kiểm soát được dịch bệnh và bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, đáp ứng đủ nhu cầu thực phẩm cho tiêu dùng, nâng cao tỷ trọng chăn nuôi trong nông nghiệp.

8. Về phát triển đô thị, kế hoạch sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện

a) Căn cứ pháp lý: đề nghị bổ sung Nghị quyết số 26-NQ/TU ngày 10/7/2023 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 – 2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng và Kế hoạch số 8358/KH-UBND ngày 25/9/2023 của UBND tỉnh Lâm Đồng về thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 – 2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

UBND huyện tiếp thu chỉnh sửa trong tập thuyết minh trang 9 phần III căn cứ Pháp lý.

Kính đề nghị Hội đồng nhân dân huyện Cát Tiên Khóa VIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026 thông qua các nội dung bổ sung điều chỉnh đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Phước Cát đến năm 2035 với các nội dung nêu trên để UBND huyện có cơ sở trình UBND tỉnh phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Thường trực Huyện ủy;
- Đại biểu HĐND tỉnh đơn vị Cát Tiên;
- Đại biểu HĐND huyện khóa VIII;
- Trang thông tin điện tử;
- Lưu: VT, BQLDA.



Nguyễn Hoàng Phúc